

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/5/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2015-2021;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ v/v thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai v/v ban hành quy định công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai v/v giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018; Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai v/v bổ sung Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Theo Văn bản số 1207/SNV-TCBC ngày 30/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai v/v thống nhất biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện năm 2018;

Xét Tờ trình số 583/TTr-GD&ĐT ngày 12/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo v/v điều chỉnh phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2018-2019 và theo đề nghị của Phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị năm 2018.

(Có bảng giao biên chế cụ thể kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị căn cứ biên chế được giao trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công và mô tả vị trí việc làm để tiến hành sắp xếp bố trí công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đúng

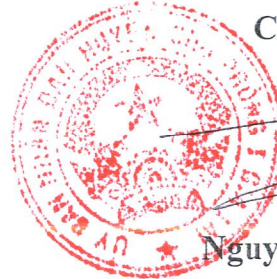
chuyên môn đã được đào tạo, đảm bảo tính gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thi hành);
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (báo cáo);
- CT và các PCT UBND huyện (để biết);
- Ban Tổ chức huyện ủy (để biết);
- Kho bạc Nhà nước huyện (để biết);
- Lưu: VT, PNV.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Dũng

**BẢNG GIAO BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/15/QĐ-UBND ngày 20/9/2018)

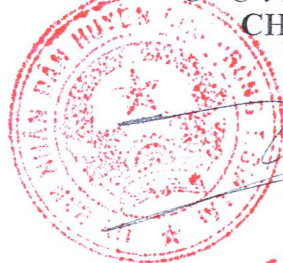
STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2018				Ghi chú
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	
I	CƠ QUAN CHUYÊN MÔN	102	90	6	6	
1	Văn phòng HĐND&UBND	26	21		5	
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ✓	7	6		1	
3	Thanh tra huyện ✓	6	6			
4	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	6	1		
5	Phòng Tư pháp ✓	4	4			
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6	6			
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7	7			
8	Phòng Văn hóa và Thông tin	4	4			
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	8	7	1		
10	Phòng Y tế	3	3			
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo ✓	7	7			
12	Phòng Dân tộc	6	5	1		
13	Phòng Nội vụ	11	8	3		
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC HUYỆN	72		68	4	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	17		16	1	
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	16		13	3	
3	Đài Truyền thanh - Truyền hình	10		10		
4	Trạm Khuyến nông	4		4		
5	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình + Nhân viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại các xã, thị trấn	25		25		
III	CÁC TRƯỜNG HỌC	1534		1470	64	
1	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	25		24	1	
2	Trường Mầm non Hương Trà	13		12	1	
3	Trường Mầm non Hướng Dương	14		13	1	
4	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	13		12	1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2018				Ghi chú
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	
5	Trường Mẫu giáo Hòa Bình	9		8	1	
6	Trường Mẫu giáo Măng Non	11		10	1	
7	Trường Mẫu giáo Tân Tiến	12		11	1	
8	Trường Mẫu giáo Âu Cơ	11		10	1	
9	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	18		17	1	
10	Trường Mẫu giáo Hòa Mi	13		12	1	
11	Trường Mẫu giáo Sao Mai	8		7	1	
12	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	10		9	1	
13	Trường Mẫu giáo Hoa Sữa	8		7	1	
14	Trường Mẫu giáo 19-5	10		9	1	
15	Trường Mẫu giáo Bình Minh	13		12	1	
16	Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	11		10	1	
17	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	9		8	1	
18	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	10		9	1	
19	Trường Mẫu giáo Bông Sen	10		9	1	
20	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	7		6	1	
21	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	44		43	1	
22	Trường Tiểu học Hùng Vương	29		28	1	
23	Trường Tiểu học Trưng Vương	46		45	1	
24	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	35		34	1	
25	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	39		39		
26	Trường Tiểu học Nguyễn Du	43		42	1	
27	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	40		39	1	
28	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	20		19	1	
29	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	44		43	1	
30	Trường Tiểu học Ngô Mây	34		33	1	
31	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	42		41	1	
32	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	58		57	1	
33	Trường Tiểu học Anh Hùng Núp	39		38	1	
34	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	47		46	1	
35	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	31		30	1	
36	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	31		30	1	
37	Trường Tiểu học Phan Đình Giót	31		30	1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2018				Ghi chú
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	
38	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	42		41	1	
39	Trường Tiểu học Cao Bá Quát	26		25	1	
40	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	33		32	1	
41	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học	27		26	1	
42	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	26		25	1	
43	Trường Trung học cơ sở Phù Đồng	18		17	1	
44	Trường Trung học cơ sở Kim Đồng	17		16	1	
45	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Khuyến	16		15	1	
46	Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	17		16	1	
47	Trường Trung học cơ sở Quang Trung	19		18	1	
48	Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự	16		15	1	
49	Trường Trung học cơ sở Ngô Quyền	20		19	1	
50	Trường Trung học cơ sở Kpă Klong	22		21	1	
51	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám	32		31	1	
52	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	21		20	1	
53	Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn	27		26	1	
54	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	22		21	1	
55	Trường Trung học cơ sở Lê Đình Chinh	31		30	1	
56	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu	27		26	1	
57	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân	28		27	1	
58	Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng	28		27	1	
59	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	49		48	1	
60	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh	27		26	1	
61	Trường Trung học cơ sở Đinh Tiên Hoàng	28		27	1	
62	Trường PTDTNT THCS huyện Chư Prông	27		23	4	
	Tổng cộng	1708	90	1544	74	

Chư Prông, ngày 20 tháng 9 năm 2018

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Dũng

